

ĐẢNG BỘ TỈNH LÂM ĐỒNG
HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG

*

Số 260- CV/HU

Về việc tổng kết công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Đam Rông, ngày 24 tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy.

Thực hiện Công văn số 542-CV/BTCTU, ngày 21/9/2021 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lâm Đồng về việc tổng kết công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên, Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông đề nghị các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy tổ chức hội nghị tổng kết công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên như sau:

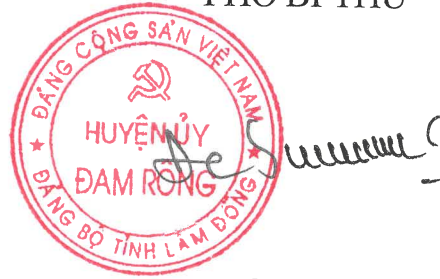
1. Trên cơ sở kết quả thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 02/02/2008 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; các văn bản của Đảng có liên quan từ năm 2010 đến nay, các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy tiến hành tổng kết, đánh giá đầy đủ, toàn diện công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai, thực hiện các nhiệm vụ công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên từ năm 2010 đến nay ở đơn vị mình.
2. Việc tổng kết phải được triển khai thực hiện nghiêm túc, chất lượng; nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, đánh giá đúng sự thật, khách quan; phát huy dân chủ, trách nhiệm, tập hợp trí tuệ cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên và các thành viên trong hệ thống chính trị.
3. Báo cáo phải bám sát đề cương (*gửi kèm theo*), làm rõ những ưu điểm, kết quả đạt được, hạn chế, khuyết điểm, yếu kém trong công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên; những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm; những đề xuất, kiến nghị, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp của công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên; những nội dung đề nghị bổ sung, sửa đổi nghị quyết, các văn bản khác liên quan đến công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên (*nếu có*).
4. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy phụ trách địa bàn có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức tổng kết công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên ở đơn vị mình phụ trách.
5. Thời gian tổng kết: Các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy hoàn thành việc tổng kết và gửi báo cáo tổng kết và các biểu mẫu liên quan về Ban Thường vụ Huyện ủy (*qua Ban Tổ chức Huyện ủy*) trước ngày **15/10/2021** để tổng

hợp. Cấp huyện tiến hành tổng kết và tổng hợp báo cáo và các biểu mẫu gửi về Ban Tổ chức Tỉnh ủy trước ngày **31/10/2021**.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy,
- Như kính gửi,
- Ban Tổ chức Huyện ủy,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Đa Cát K' Hương

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo tổng kết về xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên
(Kèm theo Công văn số 259- CV/HU ngày 24/9/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

Đặc điểm, tình hình chung của địa phương, cơ quan, đơn vị ảnh hưởng đến công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên.

I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN

Từ thực tiễn công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên từ năm 2010 đến nay, tập trung đánh giá một số nội dung chủ yếu sau:

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên

- Việc ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện một số nghị quyết, đề án chuyên đề tạo sự chuyển biến rõ nét về xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên của cấp ủy cấp tỉnh và tương đương. Kết quả nổi bật.

- Một số giải pháp đột phá, có hiệu quả trong lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cấp tỉnh, cấp ủy cấp huyện đối với công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên.

2. Xây dựng tổ chức cơ sở đảng

2.1. Về xây dựng, kiện toàn, sắp xếp các loại hình tổ chức cơ sở đảng

Nêu cụ thể kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện, những vấn đề thực tiễn đặt ra cần tháo gỡ:

- Việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức cơ sở đảng thông qua thực hiện các đề án về đổi mới, sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả ở địa phương, cơ quan, đơn vị; việc thực hiện Hướng dẫn số 38-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương¹...

- Việc kiện toàn, sắp xếp, hoàn thiện mô hình các chi bộ trực thuộc đảng ủy: xã, phường, thị trấn; cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp; các loại hình doanh nghiệp; tổ chức đảng trong lực lượng vũ trang; ngoài nước.

- Việc xây dựng, phát triển tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước theo Kết luận số 80-KL/TW², Chỉ thị số 33-CT/TW³.

¹ Hướng dẫn số 38-HD/BTCTW, ngày 09/3/2010 của Ban Tổ chức Trung ương về xây dựng và hoàn thiện mô hình tổ chức của một số loại hình tổ chức cơ sở đảng.

² Kết luận số 80-KL/TW, ngày 29/7/2010 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW của Bộ chính trị (khóa VIII) trong tình hình mới.

³ Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư về tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân.

- Việc xây dựng chi bộ ở những nơi khó khăn (thôn, tổ dân phố chưa có đảng viên, chưa có chi bộ; ở nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số; đồng bào theo tôn giáo).

- Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; củng cố các tổ chức cơ sở đảng yếu kém.

...

2.2. Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng và quy chế làm việc của cấp ủy cơ sở, chi bộ

Nêu cụ thể kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện, những vấn đề thực tiễn đặt ra cần tháo gỡ:

- Việc cụ thể hóa các quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng.

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các loại hình chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở.

- Việc xây dựng, ban hành, thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy cơ sở, chi bộ.

2.3. Về xây dựng đội ngũ cấp ủy viên, bí thư cấp ủy

Nêu cụ thể kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện:

- Trình độ, năng lực cấp ủy viên, bí thư cấp ủy, bí thư chi bộ.

- Công tác quy hoạch, chuẩn bị nhân sự cấp cơ sở; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý, nghiệp vụ công tác đảng cho cấp ủy viên, bí thư cấp ủy, bí thư chi bộ.

- Việc thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch HĐND cấp xã hoặc thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch UBND cấp xã ở những nơi đủ điều kiện.

- Việc nhất thể hóa bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

2.4. Về sinh hoạt đảng bộ, cấp ủy, chi bộ

Nêu cụ thể kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ theo Kết luận số 18-KL/TW⁴, Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW⁵. Việc ban hành tiêu chí và tổ chức đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ.

⁴ Kết luận số 18-KL/TW, ngày 22/9/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư khóa X "Về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ" trong tình hình mới.

⁵ Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW, ngày 6/7/2018 của Ban Tổ chức Trung ương về một số vấn đề nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

- Về sinh hoạt đảng bộ cơ sở thường kỳ hằng năm, sinh hoạt cấp ủy.
- Về chất lượng sinh hoạt chi bộ của từng loại hình chi bộ; đổi mới hình thức, nội dung nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Sinh hoạt chi bộ theo chuyên đề; sinh hoạt theo chủ đề việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

2.5. Về kiểm điểm tự phê bình và phê bình; đánh giá xếp loại chất lượng; khen thưởng, kỷ luật tổ chức đảng

Nêu cụ thể kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện:

- Việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình của cấp ủy cơ sở; việc khắc phục hạn chế, khuyết điểm sau kiểm điểm.
- Về đánh giá xếp loại chất lượng; khen thưởng, kỷ luật tổ chức đảng.

3. Xây dựng đội ngũ đảng viên

3.1. Về tình hình đội ngũ đảng viên

Phân tích về số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ đảng viên:

- Sự tăng, giảm đảng viên từ năm 2010 đến năm 2020.
- Về trình độ học vấn, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị.
- Cơ cấu theo giới tính, nghề nghiệp, độ tuổi, dân tộc, tôn giáo...

3.2. Về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng cho đội ngũ đảng viên

Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện:

- Về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, định hướng dư luận xã hội cho đảng viên, nhất là trong sinh hoạt chi bộ.
- Việc thực hiện trách nhiệm nêu gương.
- Rèn luyện đạo đức, lối sống của đảng viên.
- Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
- Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ đảng viên theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII.
- Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương của đảng viên; việc thực hiện quy định về những điều đảng viên không được làm; việc chấp hành nguyên tắc, chế độ sinh hoạt đảng của đảng viên.

3.3. Về công tác phát triển đảng viên

Nêu cụ thể kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện:

- Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch kết nạp đảng viên.
- Công tác tạo nguồn kết nạp đảng viên trong các loại hình tổ chức cơ sở đảng, nhất là ở thôn, tổ dân phố và trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước.
- Việc bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng và đảng viên mới.
- Việc thực hiện kết nạp và công nhận đảng viên chính thức (tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, thủ tục, hồ sơ kết nạp đảng viên; vấn đề lịch sử và chính trị hiện nay của người vào Đảng; kết nạp đảng viên trong một số trường hợp đặc biệt (người theo tôn giáo, chủ doanh nghiệp tư nhân...); kết nạp lại người vào Đảng...).

Đánh giá khái quát kết quả kết nạp đảng viên từ năm 2010 đến năm 2020.

3.4. Về công tác quản lý đảng viên

Nêu cụ thể kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện:

- Việc phân công, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đảng viên.
- Công tác quản lý hồ sơ đảng viên; chuyển sinh hoạt đảng.
- Việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình, đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên hằng năm.
- Việc thực hiện quy định trách nhiệm của đảng viên đang công tác giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú.
- Việc thực hiện giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng.
- Việc quản lý đảng viên đi làm ăn xa nơi cư trú.
- Công tác kiểm tra, giám sát, khen thưởng, kỷ luật đảng viên.
- Việc rà soát, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

...

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm và nguyên nhân
2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm

III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Mục tiêu

Đề nghị nêu mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể của đảng bộ cấp tỉnh về xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên đến năm 2025 và năm 2030 để Ban Chỉ đạo Đề án tổng hợp, nghiên cứu xây dựng mục tiêu của toàn Đảng.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Nhiệm vụ, giải pháp xây dựng tổ chức cơ sở đảng.
- Nhiệm vụ, giải pháp xây dựng đội ngũ đảng viên.

Đề nghị đề xuất các giải pháp khả thi nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc; những vấn đề thực tiễn đặt ra (đã nêu tại Mục I) và bổ sung những nhiệm vụ, giải pháp mang tính đột phá, cấp bách nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới.

3. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị nêu rõ, cụ thể những nội dung đề xuất, kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các ban, bộ, ngành Trung ương để xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới.

THÔNG KÊ CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG
mẫu dùng cho Đảng ủy cơ sở

Biểu số 1A

Điều 50.1A																		
STT	Loại hình	Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, MTTQ, tổ chức CT-XH	Cơ quan Nhà nước	Đơn vị sự nghiệp		Quân đội	Công an	Doanh nghiệp và hợp tác xã						Ngoài nước	Khác
							Công lập	Ngoài công lập			Doanh nghiệp có vốn Nhà nước		Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước			Hợp tác xã		
											Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên	Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ	Công ty Cổ phần	Doanh nghiệp tư nhân			

Tính đến 31/12/2020

1	Đảng bộ cơ sở																		
	Trong đó: ĐBCS mà đảng ủy được giao quyền cấp trên cơ sở																		
2	Chi bộ cơ sở																		
3	Đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở																		
	Số chi bộ trực thuộc đảng ủy bộ phận																		

g đó

[illegible]

STT	Loại hình	Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, MTTQ, tổ chức CT-XH	Cơ quan Nhà nước	Đơn vị sự nghiệp		Quân đội	Công an	Doanh nghiệp và hợp tác xã						Ngoài nước	Khác		
							Công lập	Ngoài công lập			Doanh nghiệp có vốn Nhà nước			Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước					Hợp tác xã	
											Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên	Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ	Công ty Cổ phần	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty trách nhiệm hữu hạn				Công ty hợp danh

	Trong đó											
	Chi bộ có từ 03 đến 05 đảng viên											
	Chi bộ có từ 06 đến 09 đảng viên											
	Chi bộ có từ 10 đến dưới 30 đảng viên											
	Chi bộ có từ 30 đến 100 đảng viên											
	Chi bộ có trên 100 đảng viên											
5	Số chi bộ đông đảng viên chia thành nhiều tổ đảng											

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Số điện thoại)

DUYỆT BIỂU
(Ký tên, đóng dấu)

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG SINH HOẠT CHI BỘ
(Năm 2020)

Biểu số 13

STT	Chi bộ tại	Tỷ lệ bình quân đảng viên sinh hoạt (%)	Số buổi sinh hoạt bình quân của một chi bộ/năm	Số buổi sinh hoạt chuyên đề bình quân của một chi bộ/năm
1	Xã, phường, thị trấn			
2	Cơ quan nhà nước			
3	Đơn vị sự nghiệp			
4	Quân đội			
5	Công an			
6	Doanh nghiệp			
7	Hợp tác xã			
8	Ngoài nước			
9	Khác			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Số điện thoại)**DUYỆT BIỂU**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THỐNG KÊ SỐ LIỆU ĐẢNG VIÊN ĐI LÀM ĂN XA NƠI CƯ TRÚ

Biểu số 11 (dùng cho Đảng ủy xã)

STT	NỘI DUNG	Tính đến 31 tháng 12	
		Năm 2016	Năm 2020
	Tổng số đảng viên đi làm ăn xa nơi cư trú		
Trong đó	Đảng viên chưa được xét miễn công tác và sinh hoạt đảng		
	Đảng viên được xét miễn công tác và sinh hoạt đảng theo		
	Miễn 1 lần		
	Miễn 2 lần		
	Miễn 3 lần trở lên		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Số điện thoại)

DUYỆT BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**THỐNG KÊ TÌNH HÌNH ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN
VÀ CHI BỘ Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**
(Tính đến 31/12/2020)

Biểu số 7 (dùng cho Đảng ủy xã)

STT	Nội dung	Xã	Phường	Thị trấn
1	Chi bộ thôn, tổ dân phố			
Trong đó	<i>Chi bộ có từ 03 đến 05 đảng viên</i>			
	<i>Chi bộ có từ 06 đến 09 đảng viên</i>			
	<i>Chi bộ có từ 10 đến 29 đảng viên</i>			
	<i>Chi bộ có từ 30 đến 50 đảng viên</i>			
	<i>Chi bộ có từ 51 đến 100 đảng viên</i>			
	<i>Chi bộ có trên 100 đảng viên</i>			
2	Số đảng viên của các chi bộ thôn, tổ dân phố			
Trong đó	<i>Số đảng viên ngoài độ tuổi lao động</i>			
	<i>Số đảng viên trong độ tuổi lao động</i>			
3	Số thôn, tổ dân phố không còn nguồn kết nạp			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Số điện thoại)

DUYỆT BIỂU
(Ký tên, đóng dấu)

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU ĐẢNG VIÊN
ĐƯỢC MIỄN CÔNG TÁC VÀ SINH HOẠT ĐẢNG**

Biểu số 10 (dùng cho Đảng ủy xã)

STT	NỘI DUNG	Tính đến 31 tháng 12	
		Năm 2016	Năm 2020
	Tổng số đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng		
1	Đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng vì tuổi cao, sức yếu		
2	Đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng không vì lý do tuổi cao, sức yếu		
	Do phải điều trị bệnh dài ngày hoặc điều trị bệnh ở xa nơi cư trú		
	Ra nước ngoài làm nhiệm vụ đơn lẻ, vì việc riêng như du lịch, chữa bệnh...		
	Đi lao động đơn lẻ, ở vùng xa, không có tổ chức Đảng hoặc điều kiện đi lại khó khăn, không thể tham gia sinh hoạt Đảng		
	Đảng viên đi làm việc lưu động ở các địa phương, đơn vị trong nước thời gian dưới 1 năm, việc làm không ổn định, hoặc ở những nơi chưa có tổ chức đảng, không có điều kiện về tham gia sinh hoạt chi bộ theo quy định		
	Đảng viên là cán bộ, công chức nghỉ công tác chờ đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ của Nhà nước có nguyện vọng được miễn sinh hoạt đảng trong thời gian nghỉ chờ quyết định nghỉ hưu		
	Đảng viên nữ trong thời gian sinh con theo quy định của Luật Lao động có nguyện vọng miễn sinh hoạt đảng		
	Trường hợp khác (nếu có ghi rõ)		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Số điện thoại)

DUYỆT BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**THỐNG KÊ TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN
Ở CÁC XÃ THUỘC VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**
(Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025)

Biểu số 14 (dùng cho Đảng ủy xã)

STT	Chỉ tiêu	Tính đến tháng 9/2021		
		Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
1	Số xã			
2	Số thôn, bản, ấp...			
3	Số chi bộ thôn, bản, ấp ...			
4	Số đảng viên thôn, bản, ấp ...			
5	Số thôn, bản, ấp ... chưa có chi bộ			
6	Số thôn, bản, ấp ... chưa có đảng viên			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Số điện thoại)

DUYỆT BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THÔNG KÊ SỐ LIỆU ĐẢNG VIÊN BỊ XÓA TÊN VÀ XIN RA KHỎI ĐẢNG

Biểu số 12 (dùng chung các tổ chức cơ sở đảng)

STT	NỘI DUNG	Trong năm 2016	Trong năm 2020
1	Tổng số đảng viên chính thức bị xóa tên		
1.1	Đảng viên bỏ sinh hoạt đảng 3 tháng trong năm mà không có lý do chính đáng		
Trong đó	- Đảng viên không làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng		
	- Đảng viên đi làm ăn xa		
	- Đảng viên thường xuyên đi công tác		
1.2	Đảng viên tự ý trả thẻ đảng viên hoặc tự hủy thẻ đảng viên		
1.3	Đảng viên giám sát ý chí phấn đấu, không làm nhiệm vụ đảng viên, đã được chỉ bộ giáo dục nhưng sau thời gian 12 tháng phấn đấu không tiến bộ		
1.4	Đảng viên hai năm liên vi phạm tư cách đảng viên		
1.5	Đảng viên không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị theo quy định của Bộ Chính trị		
2	Tổng số đảng viên dự bị bị xóa tên		
3	Tổng số đảng viên xin ra khỏi Đảng		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Số điện thoại)

DUYỆT BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**THỐNG KÊ VỀ TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN
TRỰC THUỘC ĐẢNG ỦY CƠ SỞ CẤP XÃ**

Biểu số 6 (dùng cho đảng ủy xã)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2020
1	Số thôn, tổ dân phố		
Trong đó	Số chưa có đảng viên		
	Số chưa có tổ chức đảng		
	Số chi bộ sinh hoạt ghép		
2	Số bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố		
Trong đó	Số kiêm trưởng thôn hoặc tổ trưởng tổ dân phố		
	Số kiêm trưởng ban công tác Mặt trận		
	Số kiêm cả trưởng thôn hoặc tổ trưởng tổ dân phố và trưởng ban công tác mặt trận		
	Số kiêm nhiệm chức danh khác		
3	Số trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố		
	Trong đó: Số chưa là đảng viên		
4	Số trường tiểu học và THCS		
Trong đó	Số chưa có đảng viên		
	Số chưa có tổ chức đảng		
5	Số trạm y tế		
Trong đó	Số chưa có đảng viên		
	Số chưa có tổ chức đảng		
6	Số doanh nghiệp		
Trong đó	Số chưa có đảng viên		
	Số chưa có tổ chức đảng		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Số điện thoại)

DUYỆT BIỂU
(ký tên, đóng dấu)